TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2025
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Phong

Bà Bùi Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình oHo6nthụ lý số: 23/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phan Thanh H, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Số A, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Y, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Số A, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Phan Thanh H trình bày:

Tôi và Bùi Thị Y qua tìm hiểu quen biết nhau và kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 15/3/2004. Trong thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc và có 01 con chung tên Phan Thị Tường V, sinh ngày 15/12/2005. Thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp nhau làm cho mục

đích hôn nhân không đạt được, nay tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với Bùi Thị Y, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Phan Thị Tường V, sinh ngày 15/12/2005 đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

* Bị đơn chị Bùi Thị Y đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh H về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Bị đơn chị Bùi Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, chị Y không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 của Bộ luật tố Tụng Dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Văn H1.

Về hôn nhân: Anh Phan Thanh H được ly hôn với chị Bùi Thị Y. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Về con chung: Phan Thị Tường V, sinh ngày 15/12/2005 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Phan Thanh H vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn", bị đơn chị Bùi Thị Y có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Phan Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Bùi Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt. Việc chị Y vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh H, chị Y là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy, anh Phan Thanh H và chị Bùi Thị Yến N có tìm hiểu nhau mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 15/3/2004 là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Về hôn nhân: Sau khi kết hôn anh Phan Thanh H và chị Bùi Thị Y sống chung hạnh phúc có một con chung là cháu Phan Thị Tường V, sau đó phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không thể hàn gắn được. Tại văn số 07/CAX ngày 20/02/2025 của Công an xã G nội dung qua tra cứu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và công tác quản lý địa bàn về dân cư và công tác quản lý địa bàn, xác nhận đương sự Bùi Thị Y, sinh năm 1985, có đăng ký thường trú tại số nhà A, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre và hiện tại vẫn đang sinh sống tại địa chỉ như trên. Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa ông Phan Thanh H và bà Bùi Thị Y ngày 24/02/2025, ông Bùi Văn T là cha đẻ bà Bùi Thị Y cho biết anh H và chị Y qua tìm hiểu, quen biết nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hai người đi làm tại T phố H, đến khoảng một, hai năm sau thì về xã G, huyện T để làm ăn và sinh sống. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên cãi vả, tính tình không hợp nhau làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy báo cho chị Bùi Thị Y, nhưng chị Y không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung theo yêu cầu khởi kiện của anh H. Như vậy, cho thấy chị Bùi Thị Y biết việc anh Phan Thanh H yêu cầu ly hôn với chị tại Tòa án nhưng chị Y không đến Tòa án theo nội dung đã thông báo, triệu tập chứng tỏ chị Bùi Thị Y không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng, không muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Phan Thanh H và chị Bùi Thị Y đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Phan Thanh H yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị Y là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Phan Thị Tường V, sinh ngày 15/12/2005 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh Phan Thanh H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Anh Phan Thanh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Anh Phan Thanh H không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Anh Phan Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều Điều 8, 51, 53 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh H. Anh Phan Thanh H được ly hôn với chị Bùi Thị Y

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Anh Phan Thanh H và chị Bùi Thị Y không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Phan Thị Tường V, sinh ngày 15/12/2005 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Phan Thanh H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Phan Thanh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phan Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008619 ngày 07/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Thạnh Phong, Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Phương